TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25-10-2021
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Nguyễn Văn Hiền;
- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 640/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1997; cư trú tại: Ấp P, xã PN, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Đinh Hoàng N, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Tuyết H trình bày: Chị và anh Đinh Hoàng N tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, do mẹ của anh N biết chị nên đến hỏi cưới và chị đồng ý mà không có thời gian tìm hiểu giữa hai bên, tổ chức đám cưới vào năm 2018 nhưng sang năm 2019 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PN, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau đám cưới, vợ chồng sống bên gia đình anh N đến đầu năm 2019 thì chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống do vợ chồng mâu thuẫn, tháng 2-2019 thì chị sinh con. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì anh N thường xuyên đi chơi cùng bạn bè mà không quan tâm đến vợ con, có khi đi qua đêm nhưng chị gọi điện thoại anh N không nghe. Chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống để anh N suy nghĩ lại mà thay đổi tính tình nhưng vẫn không thay đổi, hai bên gia đình có hàn gắn nhiều lần cũng

không thành. Thời gian chị đi, anh N không đến thăm con, không phụ tiền nuôi con và cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2019, đến khi chị nộp đơn ly hôn thì anh N mới vào thăm con thường xuyên hơn. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng, hôn nhân không thể hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đinh Trung K, sinh ngày 12-02-2019 hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng nên yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh N cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi và lao động được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn, anh Đinh Hoàng N trình bày: Anh thống nhất về thời điểm kết hôn, con chung như phía chị H trình bày nhưng anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, anh chỉ có hai lần đi chơi qua đêm còn nguyên nhân vì sao chị H bỏ đi và nay không trở về thì anh cũng không rõ. Về con chung, anh có ý kiến để cho anh nuôi, còn nếu chị H nuôi thì anh không cấp dưỡng. Anh không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh N, yêu cầu được tiếp tục nuôi con, rút lại một phần yêu cầu cấp dưỡng chỉ yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Phía anh N không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, anh có nguyện vọng được nuôi con chung, nếu chị H nuôi con thì anh đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Đinh Hoàng N tranh chấp về ly hôn; anh N cư trú tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Đinh Hoàng N là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã PN, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 7* ngày 30-10-2019. Mâu thuẫn vợ chồng được chị H cho là anh N không quan tâm vợ con, thường xuyên đi chơi nên chị H đã về sống cùng gia đình chị. Hơn nữa, khi chị H về nhà cha mẹ ruột sống, anh N không có biện pháp gì để hàn gắn và cũng không đến thăm con, trợ cấp nuôi con chỉ có thời gian gần đây mới hay đến thăm con nhưng cũng không thể hiện sự quan tâm gì đến vợ con. Ngoài ra, còn có những mâu thuẫn khác nhưng chị không thể nói được do tế nhị. Phía anh N thì cho rằng còn yêu thương vợ con, anh có đi chơi nhưng chỉ có hai lần đi chơi qua đêm và cũng không rõ vì sao chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột sống nay lại không chịu trở về. Anh N thừa nhận mình

không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng để chị H trở về chung sống. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có hỏi ý kiến của mẹ ruột anh N (Mẹ chồng chị H) thì mẹ anh N cũng không biết vì sao chị H không chịu trở về chung sống, đồng thời mẹ anh N cũng yêu cầu chị H phải trả lại số vàng cưới. Qua ý kiến trình bày của hai bên, cũng như ý kiến của mẹ anh N, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của anh N, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được; mâu thuẫn gia đình đã kéo dài và không thể hàn gắn được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Giữa chị H và anh N có 01 con chung là cháu Đinh Trung K, sinh ngày 12-02-2019. Từ khi sinh ra đến nay, chị H là người trực tiếp nuôi con nên cháu đã quen với cuộc sống chung với mẹ, cháu cũng chưa đủ 36 tháng tuổi nên chị H có quyền ưu tiên được nuôi con theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cho chị H tiếp tục nuôi con là phù hợp. Tại phiên tòa, chị H, anh N thống nhất thỏa thuận mỗi tháng anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H với mức 1.000.000 đồng là tự nguyện nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh N đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết H là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí ly hôn; anh N phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết H. Cho chị Nguyễn Thị Tuyết H được ly hôn với anh Đinh Hoàng N.

2. Về con chung:

Giao cháu Đinh Trung K, sinh ngày 12-02-2019 cho chị Nguyễn Thị Tuyết H là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Anh Đinh Hoàng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Anh Đinh Hoàng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000**04 ngày 29-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như đã thi hành xong.

Anh Đinh Hoàng N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã PN, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực